TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/DS-PT
Ngày: 25-12-2017
V/v tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thúy Liên

Bà Hồ Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2017/DS- ST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T; cư trú tại: Xóm, thôn A , xã H, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C; cư trú tại: Xóm, thôn A , xã H, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị P; cư trú tại: Xóm, thôn A , xã H, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/01/2016, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vợ chồng ông nhận chuyển nhượng thửa đất số 428 tờ bản đồ số 8 tại xã H từ ông Nguyễn Văn Đ vào năm 2015. Ông đã hoàn thiện đầy đủ thủ tục chuyển nhượng và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi chuyển nhượng, ông Đ đã chỉ rõ các giới cận. Khi ông xây dựng hàng rào, đổ đất nền để sử dụng thì ông C đòi con đường đi qua đất của ông nhưng ông không đồngý. Ông C đã phá hàng rào do ông xây dựng và cản trở không cho ông sử dụng đất. Nay ông yêu cầu ông C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của ông.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ông Nguyễn Văn C trình bày:

Gia đình ông có một thửa đất giáp liền kề ranh giới phía Nam phần đất mà ông Nguyễn Văn Đ đã chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Văn T. Để vào thửa đất của gia đình ông, có một con đường đi rộng 1,5m, phía Đông giáp đất bà C và ông H, phía Tây giáp đất của ông Đ. Con đường này đã có từ năm 1975 là đường đi công cộng để sử dụng giếng nước công cộng. Sau năm 1997, Nhà nước cấp đất cho ông Đ thì cấp luôn đất lối đi này cho ông Đ làm mất lối đi của gia đình ông.

Năm 2015 ông T mua đất của ông Đnhư thế nào ông không biết, nhưng ông T rào chắn lối đi thì ông không đồng ý và dọn dỡ phần xây dựng để lấy lối đi. Ông không cản trở gì việc sử dụng đất của ông T mà chỉ sử dụng lối đi đã có xuống đất của mình, ông không đồng ý với yêu cầu của ông T và yêu cầu ông T trả lại đường đi cho mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị P trình bày:

Thống nhất như lời khai của ông T (Chồng bà).

Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2017/DS-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện H quyết định:

Buộc Ông Nguyễn Văn C chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của Ông Nguyễn Văn T tại thửa đất số 428, tờ bản đồ số 8, tại xã H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00096QSDĐ/A13 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 07/5/1997.

Bản án còn quyết định về: Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 23/8/2017, Ông Nguyễn Văn C kháng cáo quá hạn với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông T và được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định chấp

nhận kháng cáo quá hạn của ông C.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông C sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Án sơ thẩm buộc ông C chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của ông T tại thửa đất số 428, tờ bản đồ số 8, tại xã H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00096QSDĐ/A13 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 07/5/1997 là có căn cứ đúng quy định tại các khoản 5, 7 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bởi lẽ: Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 8, tại xã H có nguồn gốc là của ông Đ sử dụng từ năm 1975 đến năm 2015 được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo ông Đ từ trước đến nay không có lối đi qua thửa đất này và theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân xã H và Ủy ban nhân dân huyện H thì trước đến nay không có lối đi qua thửa đất này. Năm 2015 ông Đchuyển nhượng cho vợ chồng ông T đã sang tên trước bạ cho vợ chồng ông T; như vậy, vợ chồng ông T sử dụng đất là hợp pháp nhưng ông C cản trở quyền sử dụng của vợ chồng ông T là không đúng. Trong khi đó, tại cấp sơ thẩm ông C khai nguồn gốc đất làm lối đi là của ông bà của ông để lại nhưng không có chứng cứ chứng minh; còn tại cấp phúc thẩm ông C khai lối đi này là đất công cộng để đi xách nước tại giếng nước công cộng, nếu là đất công cộng thì ông C cũng không có quyền cản trở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

[2] Tòa đã chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng. Do yêu cầu của ông T được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì ông C phải chịu 1.000.000 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng 1.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì ông C hoàn lại cho ông T 1.000.000 đồng.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 12 thì ông C phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo của ông C không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì ông C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông C sửa bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 5, 7 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông C giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Buộc Ông Nguyễn Văn C chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T, Bà Lê Thị P tại thửa đất số 428, tờ bản đồ số 8, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00096QSDĐ/A13 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 07/5/1997, tọa lạc tại thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (Có sơ đồ kèm theo).

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

2.1. Ông Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ông Nguyễn Văn T được nhận lại 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí án dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 09761 ngày 15/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

2.3. Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí án dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0003599 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H; ông C nộp xong.

2.4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn C hoàn lại cho Ông Nguyễn Văn T 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường